Tập 3 — Những Câu Hỏi Vớ Vẩn!

Một Cuộc Đời, Một Vầng Nhật Nguyệt (Minh Đức Triều Tâm Ảnh)

Còn vài tháng nữa đến hạ thứ chín, từ Bārāṇasī, đức Phật bộ hành lên thượng lưu sông Gaṅgā với năm trăm vị tỳ- khưu, trong đó có một số trưởng lão đi theo để chăm sóc hội chúng như Moggallāna, Ānanda, Nanda. Đặc biệt, tôn giả Sāriputta dẫn theo một số sa-di chừng chạc như Rāhula, Sīvali để hướng dẫn, kèm cặp, rèn tập đời sống không cửa, không nhà. Tại ngã ba sông Yamunā, đức Phật định đến an cư mùa mưa tại đất nước Vaṃsā. Tin tức này nhanh chóng lan truyền đây đó khắp kinh thành Kosambī. Tuy nhiên, đức Phật chưa ghé kinh thành vội, ngài bảo dừng chân ở một thị trấn có công viên Badarikārāma, cách Kosambī chừng hai do-tuần(1) vì ở đây cũng có một tịnh xá lớn. Trước đây nhiều năm, các vị trưởng lão đã hành hóa ở nơi này, đặc biệt là tỳ-khưu Khemaka; và nghe nói, những cốc liêu và những công trình chính và phụ đã khá hoàn chỉnh. Đức Phật nói với đại chúng: - Như Lai phải ghé thăm Badarikārāma vì mấy năm trước, ở đây đã xảy ra một câu chuyện lạ lùng và thú vị!

(1) 14 dặm Anh - là theo sử liệu của Tây, nhưng theo cách tính quen thuộc là 32km.

Minh Đức Triều Tâm Ảnh 329

Nói thế xong, đức Phật đột ngột im lặng. Lát sau, ngài tiếp tục: - Tự mình thuyết pháp cho người về đạo lộ giải thoát A- la-hán rồi tự mình đắc quả A-la-hán luôn là câu chuyện lạ lùng đầu tiên trong giáo hội của Như Lai! Biết mọi người ai cũng tò mò muốn nghe hư thực, đức Phật kể tiếp như sau: - Tỳ-khưu Khemaka thuộc dòng tộc Sākya, nhiều năm về trước, ông ta xuất gia ở Rừng Cây Đa tại Kapilavatthu thuở Như Lai về thăm quê nhà lần thứ hai. Sau khi nhận được đề mục tu tập từ Như Lai, ông ta xin được đi về một phương trời xa xôi để hành đạo. Vị tân tỳ-khưu này tu tập rất tinh tấn. Bản thân Như Lai và cả Mahā Moggallāna đã giúp đỡ nhiều lần, sau đó ông đắc được quả vị Tư-đà-hàm. Từ đó, ông ta lang thang du hóa nơi này và nơi khác, khi đến công viên Badarika thì ông ta ngã bệnh. Đây là một vùng dân cư thưa thớt, công viên này là nơi cư trú của nai, khỉ, thỏ, sóc và chim. Ở nơi một cái chòi hoang, tỳ-khưu Khemaka cứ bình tĩnh dùng năng lực của định thiền mà chữa bệnh. Chuyện kể tiếp theo. Có một vị tỳ-khưu tên là Dasaka xuất thân là nô lệ, ông ta là con của một nữ nô lệ trong đại gia đình trưởng giả Cấp Cô Độc. Khi tịnh xá Kỳ Viên đi vào sinh hoạt, công việc ở đấy rất bộn bề, trưởng giả Cấp Cô Độc đã sai thanh niên nô lệ Dasaka hằng ngày đến đấy để trông coi vườn tược kiêm cả việc gác cổng. Dasaka bẩm chất tháo vát, lanh lợi, chịu khó nên ai cũng mến yêu và tin cậy. Ngày qua ngày, Dasaka cảm thấy đời sống xuất gia sao mà thanh bình, an ổn và cao đẹp quá, cậu thầm ước ao trong lòng, là làm sao mình cũng sống được đời sống phạm hạnh như vậy. Hôm kia, đến Kỳ Viên có việc, trưởng giả Cấp Cô Độc tình cờ trông thấy Dasaka đứng lặng trông theo đoàn chư vị tỳ-khưu đang ôm bát vào kinh thành để khất thực. 330 Một Cuộc Đời Một Vầng Nhật Nguyệt

Đôi mắt của Dasaka như bị hút dính vào hình ảnh vô sự và thanh thoát ấy không chịu buông rời. - Con đang suy nghĩ gì đấy, này Dasaka? Trưởng giả cất tiếng hỏi, Dasaka giật mình quay lại, lắp bắp: - Dạ... dạ... Như đọc được tâm ý của người thanh niên, ông

trưởng giả quan tâm cất tiếng hỏi: - Con có thích đời sống ấy không, Dasaka? - Thưa, con không dám đâu. Con là thân phận nô lệ thấp hèn... Trưởng giả với tấm lòng bao dung, rộng lượng, nở nụ cười thơm ngát như đóa hoa sen: - Giáo hội của đức Tôn Sư không hẹp hòi thế đâu con! Máu ai cũng đỏ và nước mắt ai cũng mặn, ngài không hề phân biệt giai cấp. Nếu con sống được đời sống xuất gia cao thượng ấy, ta sẽ xóa bỏ thân phận nô lệ cho con. Khi ấy con sẽ không còn là kẻ nô lệ thấp hèn nữa. Và nếu con tu tập tốt, ta sẽ đảnh lễ con, cúng dường những vật dụng cần thiết đến cho con với tất cả tấm lòng thành, với tất cả sự quý kính... Thanh niên Dasaka xúc động, chảy nước mắt, quỳ xuống ôm chân trưởng giả, nghẹn ngào không nói được nên lời. Thế rồi, sau đó, thanh niên Dasaka được xuất gia. Tuy tu hành định tuệ gì cũng không bằng người nhưng ông ta có đức tính phục vụ rất nổi bật. Bất cứ việc gì mà chư tăngi giao phó, ông đều vâng lời chu toàn bổn phận. Đặc biệt, do trong dòng nghiệp, tích lũy nhiều đời là phi nhân nên ông ta có đôi chân đi nhanh và dẻo dai đến lạ lùng. Do vậy, việc trao truyền thông tin đây đó, từ quốc độ này sang quốc độ khác, từ tịnh xá này sang tịnh xá kia thường là trách nhiệm và bổn phận của Dasaka. Cũng vì việc Tăng nên hôm kia tỳkhưu Dasaka đến Kosambī, đúng lúc, tỳ-khưu Khemaka ngã bệnh đang nằm một nơi hẻo lánh tại Badarika. Minh Đức Triều Tâm Ảnh 331

Chư tăngi Kosambī từ lâu vốn đã nghe tiếng tu hành nghiêm túc của tỳ-khưu Khemaka, rất ngưỡng mộ ngài nên nhờ tỳ-khưu Dasaka đến thăm hỏi bệnh tình. Tỳ-khưu Dasaka vốn thất học, chất phác, không biết ăn nói nên tình thật hỏi: - Vậy phải thưa hỏi làm sao? - Nói là chư tăngi Kosambī quan tâm, lo lắng thăm hỏi bệnh tình của ngài, hiện ngài có kham nhẫn nổi với cơn đau hay không? Ngài đã xoay xở và tự chữa bệnh cho mình có hiệu quả hay không? Đến công viên Badarika, tỳ-khưu Dasaka thấy tỳ-khưu Khemaka nằm bệnh nơi một cái chòi hoang tồi tàn, dường như chỉ còn bộ xương nhưng thần sắc rất an nhiên, tự tại. Sau khi lặp lại lời thăm hỏi của chư tăng Kosambī, đợi câu trả lời nhưng không nghe ông ta nói gì cả. Tỳ-khưu Dasaka bèn tự động đi quét dọn, chùi rửa nơi này nơi khác, tìm cách múc nước đầy nơi chỗ chứa - lặng lẽ đảnh lễ vị trưởng lão rồi từ giã. Trước sau, tỳ-khưu Khemaka vẫn không nói một lời, ông chỉ nghĩ thầm trong bụng rằng: “Mấy ông tỳ-khưu ở Kosambī không có việc gì làm hay sao mà cho người đến thăm hỏi vớ vẩn như vậy chứ? Tu không chịu tu, cứ làm ba cái chuyện tào lao không!” Lần thứ hai, sau khi không nhận được câu trả lời nào, tỳ- khưu Dasaka được cử đi một lần nữa, với câu hỏi của chư tăng ở Kosambī: “Ngài đã thấy tự tánh của ngũ uẩn chưa?” Lần này, tỳ-khưu Khemaka cũng chẳng ừ với chẳng hử! Tiếp tục, tỳ-khưu Dasaka được cử đi lần thứ ba với câu hỏi: “Ngài đã đắc quả A-la-hán chưa?” Nghĩ là với câu hỏi ấy thì hơi quá đáng, và cũng đã “quá tam ba bận”, không đáp không được, tỳ-khưu Khemaka nói cộc lốc, cụt ngủn:“Chưa!” Thế mà vẫn không yên, Dasaka được cử đi lần thứ tư với câu hỏi: “Khemaka có nghĩa là gì trong tự tánh?” 332 Một Cuộc Đời Một Vầng Nhật Nguyệt

Hết chịu nổi với những câu hỏi ngu ngốc, phù phiếm của những tỳ-khưu ở Kosambī, bốn lần khó chịu dường như vón đặc lại thành một cục trong cổ họng, khạc mãi không ra, tỳkhưu Khemaka vùng ngồi dậy. Mặc dầu sức khỏe còn yếu, ông cũng gắng gượng chống gậy cùng với tỳ-khưu Dasaka đến Kosambī. Và thật kỳ diệu, do đường xa lao

nhọc, ông toát mồ hôi lớp này đến lớp khác và người cảm thấy rất nhẹ nhàng, rồi lành bệnh. Và cuộc đối thoại giữa tỳ-khưu Khemaka với nhóm sáu mươi tỳ-khưu ở Kosambī đã xảy ra: - Tại sao quý vị làm phiền tôi quá vậy? - Nghe đồn về đời sống giới hạnh nghiêm túc và khả năng giáo pháp của ngài, nên chúng tôi chỉ muốn học hỏi thôi! - Thế tại sao quý vị không chịu khó khởi cái tâm một chút, chịu khó nhấc cái chân một chút mà lại làm phiền đến tỳ-khưu Dasaka chất phác và hiền lành này? - Chúng tôi thấy người bạn trẻ này rất nhiệt tình và không hề than van lấy nửa lời. - Hóa ra, do vậy mà các vị đã lợi dụng lòng tốt của người ta? - Chúng tôi xin sám hối! - Không phải là với tôi! Tỳ-khưu Dasaka vội xua xua tay, mỉm cười nói: - Tôi có đôi chân tốt, giúp nhau một tí thôi! Không cần thiết phải nghiêm trọng sám hối như vậy đâu! Sau đó, đoạn đối thoại được tiếp tục. Tỳ-khưu Khemaka nghiêm sắc mặt: - Rồi còn những câu hỏi nữa. Tại sao chư vị cứ chơi cái trò rỗng không và vô ích như thế? Nhóm tỳ-khưu kia cúi đầu như nhận lỗi. Tỳ-khưu Khemaka nghĩ là cần phải nghiêm khắc, đưa họ từ đường biên, trở về với nẻo chánh, bèn thuyết giáo rằng: Minh Đức Triều Tâm Ảnh 333

- Chỉ những câu nói giúp nhau tiến triển giới, định, tuệ và tuệ giải thoát mới được gọi là lời nên nói, mới là chánh ngữ, đấy là lời nghiêm huấn của đức Tôn Sư. Ngoài ra, không chỉ nói và nghe suông mà còn cần phải thực hành, thường trực niệm và quán ngày cũng như đêm, đêm cũng như ngày. Tự tánh của ngũ uẩn là sanh diệt, là rỗng không, điều đó ai cũng biết, nhưng chỉ biết bằng tưởng tri hoặc thức tri thì có ích lợi gì, có hay hướm gì mà đặt câu hỏi? Cái biết ấy chỉ là ngoài da. Chúng phải được nhìn thấy và chứng nghiệm bởi tuệ giác do công phu hành trì miên mật, quý vị phải hiểu như thế chứ ! Thấy nhóm tỳ-khưu kia có vẻ chăm chú lắng nghe, có vẻ phục thiện nên ngài tiếp: - Còn Khemaka có nghĩa là gì trong tự tánh ư? Chẳng có gì ráo! Nó chỉ là cái tên suông thôi! Tuy nhiên, ngay chính tôi cũng chưa hề thấy được như thực cái tên suông ấy, cái danh ấy, bao giờ tôi cũng sinh khởi cái tôi ấy mà biết, sinh khởi cái của tôi ấy mà hành! Chưa bao giờ tôi trả được tự tánh vô thường, vô ngã lại cho vô thường và vô ngã cả! Tôi chưa làm được điều đó. Một vị thánh A-na-hàm dầu đã đoạn tận năm món kết buộc và sai sử(1) mà vẫn còn bị ràng buộc bởi cái tôi ấy, cụ thể là vẫn còn ngã mạn, phóng tâm và vô minh. Chư vị hãy biết rõ như vậy, thấy rõ như vậy chứ! Lời của tỳ-khưu Khemaka vừa chấm dứt, chợt ông lặng người, một sự kỳ diệu xảy ra trong tâm ông, ông đắc quả A- la-hán ngay tại chỗ. Và còn kỳ diệu hơn thế nữa, sáu mươi vị tỳ-khưu kia cũng đắc quả A-la-hán luôn. Thế rồi, khi câu chuyện này được lan truyền ra, mọi người tín mộ, cả tăng và tục ùn ùn kéo đến; từ đó, Badarika mới bắt đầu được xây dựng cốc liêu ngày càng nhiều và mọi

(1) 5 món kiết sử: Thân kiến, hoài nghi, giới cấm thủ, tình dục, bất bình.

công trình chính và phụ trông cũng tươm tất. Hiện giờ được gọi là công viên Badarikārāma. Đức Phật kể ngang đó, biết mọi người còn thắc mắc về thân phận nô lệ của tỳ-khưu Dasaka, ngài nói tiếp, và sau đó, ai cũng hiểu như sau: - Bây giờ tỳ-khưu Dasaka đã đắc quả A-la-hán rồi. Trước đây, ông tinh tấn phục vụ thì tốt nhưng hễ cứ ngồi thiền thì hôn trầm, thụy miên lại kéo đến. Đức Phật và tôn giả Mahā Moggallāna

đã khiển trách và cũng đã nhiều lần sách tấn, khuyến khích, tìm biện pháp thích nghi dìu dắt ông ta từng bước một. Do nhân duyên quá khứ, cách đây chín mươi mốt kiếp (kappa), tiền thân Dasaka gặp được đức Phật Độc Giác Ajita và có cúng dường đến vị này một quả xoài. Đến thời đức Phật Kassapa, ông ta đã là một vị tỳ-khưu. Đây là nhân và duyên giúp tỳ-khưu Dasaka đắc A-la-hán quả. Tuy nhiên, trong một kiếp quá khứ khác, ông ta sai bảo một vị A-la-hán làm một số việc lặt vặt cho mình nên đã nhiều đời kiếp phải mang thân nô lệ. Nhân như vậy đó, duyên như vậy đó và quả cũng như vậy đó. Hóa ra từ những câu hỏi vớ vẩn, mà cuối cùng, từ cái vớ vẩn mà thành tựu đạo quả! Thật kỳ diệu và thú vị vậy thay!

Minh Đức Triều Tâm Ảnh 335

Rāhula Ngủ Trong Nhà Xí

Hội chúng du hành hôm ấy, như những đám mây trời, lại ra đi, lại lên đường. Tôn giả Sāriputta, bao giờ cũng vậy, là kẻ đi sau cùng để tìm cách giúp đỡ các vị sư già yếu hoặc thình lình ốm bệnh. Tôn giả quả như là một người mẹ hiền với đàn con dại cần được chăm sóc. Sẽ có khá nhiều vị sư, vì lý do nào đó rơi rớt lại dọc đường, nên ngài thường cùng các vị tỳ-khưu trẻ trung, các vị sa-di biết việc, tháo vát sẽ cáng đáng tất cả các trường hợp bất ngờ phát sanh. Bởi vậy, lúc ấy đã khá khuya mới đến công viên Badarikārāma, tôn giả cùng hội chúng của ngài không tìm ra nơi nào để qua đêm. Cốc liêu đặc biệt riêng thường dành cho tôn giả đã bị người khác chiếm chỗ. Đi quanh một vòng, không còn một hành lang, một gốc cây, một lùm cây nào là còn khoảng trống. Thế rồi, tôn giả phải ra ngoài trời, cột một tấm y tạm che sương, trải tọa cụ lên đất rồi ngồi kiết già suốt đêm. Các vị sa-di theo thói quen, ghé vào các liêu thất, ngủ dưới sàn nhà của bất cứ vị tỳ-khưu nào, nhưng đều bị đuổi ra ngoài. Không ai giải thích lý do. Riêng có một vị tỳ-kheo

336 Một Cuộc Đời Một Vầng Nhật Nguyệt

già, thấy Rāhula, con trai của đức Phật cùng chịu chung cảnh ngộ nên đã cặn kẽ trình bày nguyên do, nói rằng: - Này Rāhula quý mến! Trước đây sa-di ngủ chung với tỳ-khưu thì được, nhưng hôm đó, tại điện Aggāḷava, thành phố Āḷavī, đức Phật đã chế định điều luật: Tỳ-khưu không được ngủ chung phòng với người chưa thọ giới. Có lẽ Rāhula chưa nghe biết đó thôi. - Thưa vâng! - Chỉ mới mấy tháng trước, tại Āḷavī, nhiều tỳ-khưu-ni và nhiều nữ cận sự thường đến tịnh xá để nghe đức Thế Tôn thuyết pháp, buổi giảng pháp thường tổ chức vào ban ngày. Sau một thời gian, những thời pháp lại chuyển sang ban đêm chỉ để dành cho tỳ-khưu và cận sự nam. Sau thời pháp, chư vị trưởng lão thì có cốc liêu nên họ rút về phòng, còn chư tỳ- khưu trẻ và cận sự nam thì nằm ngủ chung chạ tại giảng đường. Khi họ ngủ, những hình ảnh thiếu mỹ cảm hiện ra. Có vị tỳ-khưu nằm ngáy khò khò vang dội. Có vị tỳ-khưu nằm há hốc như miệng cá ươn, nước dãi chảy tràn ra. Có vị tỳ-khưu nghiến răng như cóc nghiến. Có vị nằm gác chân ngang dọc, ngược xuôi lên vị khác, y áo lõa lồ, hở hang cả hạ thể trông rất khó coi. Trong hội chúng ấy có một thánh nam cư sĩ, chứng kiến hình ảnh không đẹp mắt ấy, sợ một số cư sĩ sẽ mất đức tin với chúng tỳ-khưu, nên sáng hôm sau, thưa bạch mọi điều

tai nghe mắt thấy lên đức Thế Tôn. Vậy là buổi giảng pháp hôm sau, đức Phật chế định học giới ấy. Nghe rõ nhân và quả, sa-di Rāhula tri ân vị tỳ-khưu già rồi lặng lẽ đi tìm kiếm chỗ nghỉ cho mình. Qua sân, ra vườn, Rāhula đứng lặng một hồi chiêm ngưỡng hình ảnh đẹp đẽ, vô ngại của thầy mình - tôn giả Sāriputta - rồi bước vào bên sau. Đến hương phòng của đức Phật, thấy bên cạnh có phòng vệ sinh, còn chập chờn ánh đèn dầu lạc và tỏa ra mùi

Minh Đức Triều Tâm Ảnh 337

hương(1), Rāhula khẽ hé cửa bước vào, và chú có cảm giác ở đây như là cung điện của phạm thiên! Sáng ngày, đức Phật đứng trước phòng vệ sinh và đằng hắng(2), bên trong vẳng lại tiếng đằng hắng đáp lời. Đức Phật hỏi: - Ai đấy? - Đệ tử Rāhula đây! Cửa mở, Rāhula thu xếp lại y bát trên nền đất rồi đảnh lễ đức Phật. - Sao con lại nằm ở chỗ bất tịnh này? Rāhula kể lại mọi sự. Chú cũng không quên kể lại trường hợp tôn giả Sāriputta cũng không có chỗ nghỉ, phải qua đêm trên nền đất lạnh ngoài vườn. Xúc động chánh pháp, đức Phật suy nghĩ: “Quả thật, ta có chế định điều đó tại Āḷavī nhưng chỉ là với nam cư sĩ, và ta cũng chưa cho tuyên bố rộng rãi lý do là vì khắp nơi cốc liêu còn chật chội. Mà cho dù với sa-di chăng nữa thì cũng chỉ là chế định mà thôi. Gọi là chế định thì bao giờ cũng tùy lúc, tùy khi, tùy trường hợp phát sanh! Cái kiểu mà chúng áp dụng cứng nhắc như vậy là giết chết sinh mạng học giới (chưa thành luật) của Như Lai, luôn cần phải uyển chuyển và thích nghi theo từng hoàn cảnh. Chuyện ấy đã tệ mà chuyện với Sāriputta còn tệ hơn! Chúng còn coi thường luôn bậc thầy của họ, dám ngang nhiên chiếm luôn tịnh thất riêng của Sāriputta thì còn chi tôn ti hạ lạp, tôn kính, kính trọng các bậc trưởng thượng?”

(1) Bất cứ đại tịnh xá nào cũng có thiết kế hương phòng, nhà vệ sinh riêng cho đức Phật (các công trình này thường thiết kế rất khéo léo, tế nhị, mỹ cảm; luôn có đèn, có hoa, có hương thơm phảng phất - không do thí chủ tạo thì cũng do chư thiên làm). Đôi nơi có thêm liêu thất của hai vị đại đệ tử nữa. (2) Thói quen lịch sự của ngài, dù có người hay không có người ngài cũng lên tiếng đằng hắng như vậy.

338 Một Cuộc Đời Một Vầng Nhật Nguyệt

Thế rồi, đức Phật cứ để cho không khí sinh hoạt diễn ra bình thường như không có chuyện gì xảy ra, chỉ bảo thị giả Upavāna và các vị trưởng lão thông báo toàn thể chư tăngi ni trong thị trấn Bādarika tụ họp đông đủ tại tịnh xá để nghe ngài thuyết giảng. Vào buổi chiều, khi hội chúng đã tụ tập đầy đủ, tràn ra cả khu vườn, mở đầu cuộc giáo giới, đức Phật hỏi: - Này Sāriputta! Đêm hôm qua, Rāhula, đệ tử của ông, ngủ nghỉ ở đâu? - Thưa, đệ tử không rõ, vì lúc đến đây đã khá khuya! - Nó ngủ nghỉ trong nhà vệ sinh đấy! Cả hội trường như thảng thốt, bàng hoàng. Đức Phật yên lặng một lát, đưa đôi mắt nghiêm khắc lướt quanh một vòng rồi chậm rãi nói: - Sāriputta không biết, đúng vậy! Vì chính ông ta, một người lớn tuổi, một vị thượng thủ, một bậc thầy của giáo hội cũng phải ngồi suốt đêm ngoài sương lạnh! Lý do là tịnh thất của ông ta đã bị tỳ-khưu khác chiếm mất chỗ! Thế đấy! Chẳng lẽ nào giáo pháp của Như Lai, cái giáo hội độc thân này lại tệ hại, tệ mạt như thế? Tệ hại, tệ mạt vì trẻ thì bị vứt bỏ chẳng ai ngó

ngàng đến, mà tuổi lớn, hạ lạp cao, bậc trưởng thượng lại không được cung kính và tôn trọng hay sao!? Lời khiển trách của đức Phật làm cho cả hội trường như bị hóa đá. Đức Phật bắt đầu xuống giọng: - Với Rāhula mà chư tỳ-khưu còn đành đoạn quay lưng, vất bỏ như thế thì nói chi đến tình tương thân, tương ái, tương nhượng? Rồi còn rất nhiều những sa-di mới học tu khác nữa, không biết số phận còn tồi tệ đến dường nào? Rồi sau này, biết được chuyện này, có cha có mẹ nào mà còn dám cho con em họ vào học tu trong giáo pháp không có một chút quan hoài, thiếu thốn tình người như thế? Minh Đức Triều Tâm Ảnh 339

Chuyện tại Āḷavī, bây giờ Như Lai chế định lại cho rõ ràng, kẻo nhiều vị hiểu lầm, như sau: - Tỳ-khưu không được ngủ chung phòng với nam cư sĩ, riêng sa-di, nơi nào thiếu phòng ốc, liêu xá thì cho ngủ chung được ba đêm, quá ba đêm thì phạm tội pācittiya (ba- dật-đề). Khi phạm tội này thì phải thú nhận và sám hối trước tăng. Tỳ-khưu-ni cũng tương tợ vậy. Và các vị trưởng lão phải công bố điều này một cách rộng rãi và đều khắp trong các hội chúng tu học.

340 Một Cuộc Đời Một Vầng Nhật Nguyệt

Voi, Lừa Và Đa Đa

Sau khi chế định lại điều học, vì các vị tỳ-khưu chỉ thêm một chữ “chưa thọ giới” và “chưa thọ đại giới” mà sinh ra cớ sự, đức Phật lại quay sang kể chuyện xưa để giáo giới chuyện xảy ra với tôn giả Sāriputta. - Này hội chúng! Thuở xưa, rất là lâu xưa, trong khu rừng già nọ có một con voi, một con lừa và một con chim đa đa chung sống, làm bạn với nhau rất là thuận hòa và êm ấm. Chúng thường vui chơi với nhau, nô giỡn với nhau, tụ họp, chuyện vãn với nhau dưới tàn đại cổ thụ cành lá sum suê đã hàng ngàn năm tuổi. Hôm nọ, voi chợt nói: - Này các bạn! Chúng ta sống với nhau dường như đã quá lâu, không ai còn nhớ thời gian, và cũng không ai biết là ai sinh trước, ai sinh sau, ai lớn, ai nhỏ! Kỳ không? Phàm lớn là anh mà nhỏ là em! Ít ra, chúng ta phải làm thế nào để biết rõ ai lớn ai nhỏ để xưng hô cho phải lẽ chứ? Nhỏ thì phải biết vâng lời, tôn kính, tôn trọng lớn; lớn thì phải biết nhường nhịn, chở che, đùm bọc nhỏ! Các bạn nghĩ có đúng thế không? Chim đa đa gật đầu, nhưng lừa thì chợt cười:

Minh Đức Triều Tâm Ảnh 341

- Trên nguyên tắc thì đồng ý! Nhưng bạn voi ơi! Chữ gọi là nhỏ và lớn của bạn đưa ra có vấn đề đấy! Nói rõ là nó có vẻ ỡm ờ, lấp lửng, không rõ nghĩa! Tại sao ư? Bạn to con, lớn xác, chẳng lẽ bạn làm anh ư? Vậy phải xác định rõ, lớn ở đây là lớn về tuổi tác, chứ không phải là to con, lớn xác, đồng ý thế không? Voi vỗ chân đồm độp: - Bạn đã bóp méo vấn đề. Câu tôi nói là thời gian sinh trước, sinh sau mà! - Vậy thì được! Chim đa đa nói xong, bèn quay sang hỏi tuổi tác của ông voi. Voi bần thần ngẫm ngợi một lúc, rồi chợt đưa mắt ngước nhìn cây đại cổ thụ cao gấp cả hàng chục lần nó, đáp rằng: - Tôi không biết là tôi sinh ra từ lúc nào, ở đâu, nhưng còn nhớ rất rõ, khi tôi lớn lên, cái vòi của tôi có thể sờ cái đọt cây này một cách dễ dàng! Lừa cười, bày cả hàm răng trắng hếu: - Vậy là bạn còn nhỏ tuổi. Thuở lớn lên, tôi cao ngang bằng cây đại thụ này và tôi ăn những đọt lá của nó dễ như chơi, không cần phải nhón chân, độn móng! Nghe voi

và lừa kể, chim đa đa chợt hót lên một tràng không giống ai, kèm thêm giọng cười hin hít, chin chít rất khó nghe. Cả hai bèn hỏi chim: - Bạn làm cái quái gì vậy? - Tôi cười! Chim đáp - tôi vui quá nên tôi cười kiểu chim đa đa như vậy đó! Các bạn hiểu tại sao không? Tôi không còn nhớ thời gian hay tuổi tác, nhưng tôi biết rõ như thế này. Thuở ấy, khi qua chơi trên Himalaya, tôi ăn được một chùm trái ngon ngọt như mật ong, khi bay ngang đây, tôi ỉa xuống một bãi phân. Rồi từ trong đó, một cái hạt nứt ra, mọc lên thành cây đại cổ thụ bây giờ! 342 Một Cuộc Đời Một Vầng Nhật Nguyệt

Voi vốn đôn hậu, thật thà, xác nhận: - Hóa ra tôi to con lớn xác mà lại là sinh sau đẻ muộn. Vậy so tuổi tác với các bạn, tôi nhận mình là em út đó nghe! Bạn lừa là anh thứ của tôi, còn chú đa đa bé tí xíu kia lại là anh cả, anh trưởng. Vậy từ rày về sau, chúng ta cứ theo thứ tự tuổi tác để xưng hô cho phải lẽ. Đức Phật cất giọng kết luận như tiếng chuông ngân tỉnh thức: - Voi, lừa, đa đa là giống súc sanh, noãn sanh thế mà chúng còn biết phân biệt tuổi tác lớn nhỏ, biết tôn ti trật tự, biết cách xưng hô để tôn kính kẻ lớn tuổi hơn mình. Còn trong giáo hội này, chuyện gì đã xảy ra? Như Lai thường coi Sāriputta như ngang hàng với Như Lai, là bậc trưởng thượng, thượng tôn tăng đoàn. Là vị đệ nhất đại đệ tử, là thượng thủ của giáo hội, thế mà các ông tỳ- khưu trẻ lại không biết tôn kính Sāriputta, con trai trưởng của Như Lai! Này đại chúng Tăng ni! Sāriputta niên cao, lạp(1) lớn, hằng quan tâm đến đại chúng, đến sự phát triển của giáo hội, đến sự hoằng dương giáo pháp nên ít có cơ hội nghĩ đến bản thân mình, nếu không muốn nói là ông ta đã dứt bỏ cái bản ngã, ít ăn, ít ngủ, chỉ sống cho mọi người, lo cho mọi người. Thế mà ở đây đã có một số vị không thấy, không biết cái ân đức ấy của Sāriputta. Từ tu viện này sang tu viện khác, từ vườn rừng này sang vườn rừng khác, ở đâu cũng có tấm lòng và bàn tay chăm sóc, vun quén của Sāriputta! Từ việc nhỏ đến việc lớn, từ trong ra ngoài, việc gì ông ta cũng chu tất, toàn mãn không chê vào đâu được. Sāriputta lo cho người bệnh, người già yếu, hướng dẫn giáo pháp không mệt (1) Lạp là nói tắt của hạ lạp, tàu lấy ý từ chữ vassa (hạ), an cư mùa mưa. Sở dĩ tàu dùng chữ lạp (tháng chạp) là nhằm nói đến hết năm. Vị tỳ-khưu thường tính tuổi đạo bằng bao nhiêu mùa an cư (vassa), một hạ được coi như là một năm tuổi đạo.

Minh Đức Triều Tâm Ảnh 343

mỏi; không bỏ quên cả một sa-di nhỏ tuổi, quan tâm đến cả từng bữa ăn, một cái chăn đắp, một cái mụt nhọt chưa lành của ai đó. Thế gian này không có một ông Sāriputta thứ hai với những phẩm chất tuyệt hảo như thế, muôn triệu năm mới có một người. May ra chỉ có thêm Moggallāna là tương tợ. Thế mà, đêm qua, Sāriputta của chúng ta không có được một chỗ nghỉ, dầu là một mái che nhỏ, dầu là một góc hành lang! Tịnh thất đặc biệt dành riêng cho ông ấy đã bị mấy ông tỳ- khưu trẻ nào đó chiếm chỗ. Thế là với một lá y tạm che sương, Sāriputta qua đêm giữa sương lạnh! Đại chúng nghĩ thế nào về điều tệ hại ấy? Các vị sống trong giáo pháp phát triển đời sống tinh thần bậc cao mà tại sao lại còn thua con voi, con lừa, con đa đa trong câu chuyện kể trên? Đức Phật im lặng. Giảng đường yên lặng. Cả con muỗi bay cũng nghe được âm thanh. Có một số các vị tỳ-khưu xấu hổ cúi gằm mặt xuống. Có một số vị thì học được bài học nghìn vàng. Đến ngang đây thì tôn giả Sāriputta đâu từ bên ngoài bước vào, đảnh lễ đức Phật

rồi thưa rằng: - Sự giáo giới của đức Thế Tôn quả thật là lợi lạc cho đại chúng, là hữu ích cho kỷ cương, phép tắc của giáo hội. Đã làm cho trang nghiêm giáo hội. Nhưng ở đây chỉ có một số tỳ-khưu còn nhỏ tuổi, trẻ người, non dạ chưa được thuần thục trong giáo pháp mà thôi. Sau khi đức Thế Tôn đã giảng thời pháp này rồi thì có lẽ không còn ai dám để mình phải thua con voi, con lừa, con chim đa đa kia nữa. Riêng đệ tử, một đêm ngoài trời thì cũng chưa đến nỗi nào. Tôn giả Mahā Kassapa, đệ tử của tôn giả và hằng trăm vị tỳ-khưu sống đời đầu-đà khổ hạnh, họ luôn ngủ nghỉ dưới những chỗ không có mái che mà tinh thần vẫn khang kiện, sức khỏe vẫn tốt. Đệ tử xin thay mặt số chư sư dại dột ấy, sám hối dưới chân đức Thế Tôn, vì một phần lỗi cũng do đệ tử, 344 Một Cuộc Đời Một Vầng Nhật Nguyệt

Moggallāna hoặc chư trưởng lão khác chưa dạy dỗ họ đến nơi đến chốn! Đức Phật im lặng thọ nhận cái lạy và lời sám hối ấy xong, ngài nói: - Chư vị thấy chưa? Lỗi của mấy ông tỳ-khưu ngu si mà Sāriputta phải sám hối đấy! Rồi ngài nhìn tôn giả với tia mắt vô cùng thương yêu và trân trọng, nói rằng: - Thôi, ông hãy đứng dậy đi! Như Lai sẽ xá tội cho tất cả! Sau đó, đức Phật dạy: - Từ rày về sau, tất cả sa-di đều phải xem tỳ-khưu là thầy, là cha của mình. Tỳ-khưu cách nhau ba hạ lạp cũng phải được quy định bởi sự tôn kính như thế. Riêng các vị đại trưởng lão, Tăng chúng phải xem gần như ngang hàng với Sāriputta, Moggallāna, Mahā Kassapa... Và nếu như ngang hàng với các vị ấy cũng có nghĩa là ngang hàng với Như Lai. Tất cả mọi trú xứ, chỗ ngủ nghỉ, trong nhà ăn, tại nhà hội, giảng đường, trên đường đi đều phải theo tôn ti hạ lạp. Như Lai không muốn có trường hợp xảy ra như hôm qua nữa. Sāriputta đã sám hối cho các ông, vậy nếu không khôn ngoan hơn, lửa địa ngục sẽ thiêu cháy các ông rất nhiều đời kiếp đấy, chẳng ai có thể cứu nổi đâu nếu mình không biết tự cứu!

Nguồn: Giảng Sư (giangsu.io.vn) — văn bản trích từ kho sách cổ và kinh điển.